

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn

2. Bà Trần Ánh Nhạn

Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2020/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Dương Hồng N (M), sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn C và bà Nguyễn Thị H; Vợ Nguyễn Thị Mỹ C; Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam ngày 10-8-2020 cho đến nay. (có mặt).

2. Trần Văn T, sinh năm 1985, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T và bà Đồng Thị P; Vợ: Nguyễn Thị Mai L; Có 02 người con lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Khánh H, sinh năm 1984, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hồng K và bà Đặng Thị Thu T; Vợ Đặng Thanh T; có 02 người con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. Trần Minh T, sinh năm: 1991, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh;

Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Bạch T; Vợ Lại Thị Mỹ L, con chưa có. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.(có mặt).

5. Nguyễn Thanh H (T), sinh năm: 1992, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn K và bà Hà Thị T; Vợ Vương Thị Ngọc T; Con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại.(có mặt).

6. Tống Văn T, sinh năm 1989, tại tỉnh Long An; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tống Văn T (chết) và bà Cao Thị T; Vợ Tạ Thị Kiều D; con có 01 sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

7. Võ Nguyễn Đ, sinh năm: 1994, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Khu phố P, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn Q (chết) và bà Nguyễn Ngọc N; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

8. Phan Thanh L (B), sinh năm: 1986, tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú : Khu phố H, Phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và nơi ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Ngọc T và bà Nguyễn Thanh T; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

9. Nguyễn Văn T (S), sinh năm: 1989, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị B; Vợ Nguyễn Thị M; Con có 01 người sinh năm: 2011; Tiền án: Ngày 02-3-2020 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh ra bản án số 38 xử phạt 09 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc, chấp hành xong án phạt tù ngày 09-01-2021; Tiền sự: Không.Bị cáo tại ngoại (có mặt).

10. Nguyễn Văn P (S), sinh năm: 1978, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R và bà Phạm Thị N; Vợ Thạch Thị Hồng H; Con có 02 người lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm: 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 21-02-2020, bị Công an xã P, huyện D ra Quyết định số 31 phạt 1.500.000 đồng về hành vi cá cược bằng tiền; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

11. Nguyễn Văn D, sinh năm: 1987, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T; Vợ Lâm Thị H; Có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1964. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12-2019, bị cáo N tổ chức đá gà tại vườn nhãn của ông Nguyễn Thành X thuộc ấp X, xã H, huyện G, cho nhiều người tham gia. Mỗi ngày, bị cáo N dùng điện thoại di động để liên lạc với các chủ gà để mang gà đến trường gà của bị cáo N hoặc các chủ gà sẽ chủ động liên lạc với bị cáo N để mang gà đến đá. Trước khi mang gà đến, các chủ gà sẽ thông báo cho bị cáo N biết trọng lượng và đặc điểm gà để bị cáo N liên lạc với các chủ gà khác tìm gà có trọng lượng và đặc điểm tương xứng, rồi bị cáo N sẽ cho hai bên chủ gà biết thời gian, địa điểm đá gà. Khi các chủ gà mang gà đến, bị cáo N lấy cân đồng hồ ra cân gà, nếu cặp gà nào đồng cân thì đá tỷ lệ 10 ăn 10, nếu nặng hơn thì tỷ lệ là 10 ăn 9. Bị cáo N cung cấp băng keo cho chủ gà băng cựa gà và nước uống cho gà đá. Sau khi thống nhất số tiền cá cược, bị cáo N làm trọng tài để cho hai bên chủ gà thả gà ra đá, nếu gà nào bỏ chạy hoặc chết thì thua. Đồng thời, bị cáo N phân công Văn Ngọc D có nhiệm vụ làm biện gà, nhận các kèo cá cược, tính tiền thắng thua và lấy tiền xâu 05% số tiền từ người cá cược thắng. Sau mỗi ngày đá gà, bị cáo N trả tiền công cho D 100.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08-3-2020, sau khi liên lạc hẹn các chủ gà, bị cáo N chuẩn bị băng keo, cân đồng hồ, nước uống cho gà, cùng với D đi đến vườn nhãn của ông X tổ chức cho nhiều người đá gà thắng thua bằng tiền, cụ thể như sau:

Trận thứ nhất: Giữa gà của Nguyễn Lê Tuấn K do bị cáo Nguyễn Văn P ôm gà cho bị cáo Nguyễn Văn T băng cựa và thả gà đá với gà của bị cáo Trần Văn T do bị cáo Nguyễn Thanh H ôm gà cho bị cáo Võ Nguyễn Đ băng cựa và thả gà; tỷ lệ cá cược 10 ăn 10; số tiền cá cược 20.000.000 đồng. Trong đó: Nhóm của K thống nhất K cược 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành C cược 8.000.000 đồng, bị cáo T cược 2.000.000 đồng, bị cáo Phan Thanh L cược 3.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn D cược 1.000.000 đồng và bị cáo P cược 1.000.000 đồng; Nhóm của bị cáo T thống nhất bị cáo T cược 4.000.000 đồng, bị cáo Trần Minh T cược 3.000.000 đồng, bị cáo H cược 3.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Khánh H cược 4.000.000 đồng, bị cáo Tống Văn T cược 3.000.000 đồng và bị cáo Đ cược 3.000.000 đồng. Trước khi trận đá gà bắt đầu, bị cáo N thông báo cho những người đứng bên ngoài tham gia cược hàng sáo thì anh Phan Minh T cược 400.000 đồng với người không rõ lý lịch, anh Nguyễn Trường A cược 400.000 đồng với người không rõ lý lịch, anh Phạm Văn L cược 1.000.000 đồng với người không

rõ lý lịch, anh Nguyễn Văn C cược 500.000 đồng với người không rõ lý lịch, anh Trần Văn T cược 500.000 đồng với người không rõ lý lịch. Kết quả gà của K thắng, bị cáo N và D lấy tiền từ bị cáo T 20.000.000 đồng, rồi đưa cho K 19.000.000 đồng thì bị cáo N thu tiền xâu 1.000.000 đồng. Tại trận gà này, anh Phạm Văn L thắng cá cược 1.000.000 đồng.

Trận thứ hai: Giữa gà của bị cáo T với gà của bị cáo T do bị cáo T đưa cho bị cáo N cân gà; hai nhóm thống nhất tỷ lệ cá cược 10 ăn 10, số tiền cược 20.000.000 đồng. Đến 12 giờ cùng ngày, khi bị cáo T và bị cáo T đang băng cựa, chưa kịp tính tiền mỗi người hùn đá bao nhiêu tiền và chưa kịp thả gà thì bị Công an huyện Gò Dầu bắt quả tang cùng vật chứng thu giữ 06 con gà che, 05 giỏ xách, 02 cân đồng hồ, 18 cuộn băng keo, 02 cặp cựa sắt, 104.248.000 đồng và các vật chứng có liên quan.

Quá trình điều tra, tất cả thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Trừ bị cáo N và bị cáo T còn lại các bị cáo khác phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tuần có 01 tiền án về tội tổ chức đánh bạc chưa được xóa án tích nên lần này là tái phạm.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê kèm theo.

Về kê biên tài sản: Các bị cáo H, Đ, T, H, T có tiền gửi tiết kiệm; T có tiền gửi tiết kiệm và sở hữu quyền sử dụng đất ở nhưng đang thế chấp ngân hàng Agribank nên Cơ quan điều tra không kê biên; P có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích là 875m² thửa số 1879, tờ bản đồ 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI454677 do UBND huyện D cấp cho Nguyễn Văn P và Thạch Thị Hồng H đứng tên ngày 04-7-2012. Còn lại các bị cáo N, T, L và D không có sở hữu tài sản.

Tại bản Cáo trạng số: 162/CT-VKSGD ngày 30 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Dương Hồng N về tội “Tổ chức đánh bạc” được quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Khánh H, Trần Minh T, Tống Văn T, Võ Nguyễn Đ, Nguyễn Thanh H, Trần Văn T, Phan Thanh L và Nguyễn Văn D về tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Dương Hồng N (M) mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng đến 36 tháng. Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn T (S) mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Văn T 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Khánh H 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Trần Minh T 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Thanh H (T) 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Tống Văn T 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Võ Nguyễn Đ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Phan Thanh L 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn P 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn D mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng. Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào các Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; Buộc các bị cáo T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, H nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thực hiện: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08-3-2020, tại vườn nhãn của ông Nguyễn Thành X thuộc ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh, sau khi liên lạc hẹn các chủ gà, bị cáo N chuẩn bị băng keo, cân đồng hồ, nước uống cho gà, cùng với D tổ chức cho nhiều người đá gà thắng thua bằng tiền, như sau:

Trận thứ nhất: Giữa gà của K đá với gà của bị cáo T, tỷ lệ cá cược 10 ăn 10; số tiền cá cược 20.000.000 đồng. Trong đó: Nhóm của K thống nhất, K cược 5.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành C cược 8.000.000 đồng, bị cáo T cược 2.000.000 đồng, bị cáo L cược 3.000.000 đồng, bị cáo D cược 1.000.000 đồng và bị cáo P cược 1.000.000 đồng; Nhóm của bị cáo T thống nhất, bị cáo T cược 4.000.000 đồng, bị cáo T cược 3.000.000 đồng, bị cáo H cược 3.000.000 đồng, bị cáo H cược 4.000.000 đồng, bị cáo T cược 3.000.000 đồng và bị cáo Đ cược 3.000.000 đồng. Kết quả gà của K thắng, bị cáo N và anh D lấy tiền từ bị cáo T 20.000.000 đồng, đưa cho K 19.000.000 đồng, bị cáo N thu tiền xâu 1.000.000 đồng.

Trận thứ hai: Giữa gà của bị cáo T đá với gà của bị cáo T, hai nhóm thống nhất tỷ lệ cá cược 10 ăn 10, số tiền cược 20.000.000 đồng. Đến 12 giờ cùng ngày, khi các bị cáo T và T đang băng cựa, chưa kịp tính tiền mỗi người hùn đá bao nhiêu tiền và chưa kịp thả gà thì bị Công an huyện Gò Dầu bắt quả tang.

Do đó hành vi của bị cáo N có đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” được quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Khánh H, Trần Minh T, Tống Văn T, Võ Nguyễn Đ, Nguyễn Thanh H, Trần Văn T, Phan Thanh L và Nguyễn Văn D có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo biết việc đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội. Nên phải xử các bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo N đứng ra tổ chức địa điểm đồ dùng, dụng cụ và liên lạc các bị cáo khác đến điểm đã hẹn cá cược đá gà thắng thua bằng tiền với nhau, nên trong vụ án này bị cáo N phải chịu mức án cao nhưng bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, đồng thời bị cáo đã đầu thú với cơ quan công an sau khi bỏ trốn, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và chưa có tiền án tiền sự nên áp dụng Điều 65

của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-8-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với bị cáo.

Đối với bị cáo T có một tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này là tái phạm, tuy nhiên trong vụ án này bị cáo T tham gia cá cược với số tiền tham gia đánh bạc thấp nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo H, Đ, T, H, T, T, L và P mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có khả năng về kinh tế và có điều kiện thi hành án nên xem xét áp dụng hình phạt tiền là có căn cứ.

Đối với bị cáo D mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời bị cáo có khả năng tự cải tạo được nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-8-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với bị cáo.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, tuy nhiên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo P, H, T, T, Đ, H, T, L và D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo D thực hiện nghĩa vụ quân sự tại đồn biên phòng Chàng Riệc từ năm 2009 đến năm 2011; Bị cáo N đầu thú;

[7] Đối với Văn Ngọc D, Nguyễn Lê Tuấn K và Nguyễn Thành C đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tách vụ án để xử lý sau; Phạm Văn L, Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Giáp Văn X, Nguyễn Trường A và Phan Minh T có hành vi đánh bạc dưới 5.000.000 đồng nhưng chưa có tiền án, tiền sự nên Công an huyện Gò Dầu đã phạt hành chính là có căn cứ.

[8] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vật chứng:

Đối với 05 giỏ xách bằng; 10 cuộn băng keo chưa qua sử dụng; 08 cuộn băng keo đã qua sử dụng; 02 cặp cựa sắt; 01 cân đồng hồ loại 02kg; 01 cân đồng hồ loại 05kg là vật chứng các bị cáo dùng vào việc thực hiện tội phạm hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số IMEI 359317069621741, đã qua sử dụng của bị cáo P; 01 điện thoại di động Iphone 6, màu xám bạc, số IMEI: 35579207000137, đã qua sử dụng của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, loại TA-1174, màu xanh, số IMEI 1: 357761105136507, số IMEI 2: 357761105636506, đã qua sử dụng của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy 30S, màu đen, số IMEI: 358544/10/579769/5, đã qua sử dụng của cáo D, các bị cáo dùng để liên lạc cá

nhân không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen bạc, biển số 70M2-7289, số máy: 5C64-249131, số khung: C640AY249122, đã qua sử dụng của bị cáo L; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 70E1-203.38, số máy: HC12E-5301955, số khung: RLHHC1216DY301790, đã qua sử dụng của bị cáo P, các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi lại cá nhân không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả cho các bị cáo là có căn cứ.

Đối với 01 xe mô tô Wave màu đỏ đen, biển số 70F7-1241, số máy: RPTDS152FMH00105260, số khung: RPHWCHUUM5H105260, đã qua sử dụng, dung tích xi lanh 97cm³ của ông K không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả cho ông K là có căn cứ.

Đối với số tiền 83.798.000 đồng, trong đó các bị cáo đã dùng cá cược 20.000.000 đồng đã thắng thu và chung chi với nhau, còn lại số tiền 63.798.000 đồng tuy các bị cáo có mang theo trong người chưa thực hiện việc cá cược với nhau nhưng cũng nhằm mục đích cá cược đá gà nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là có căn cứ.

Buộc các bị cáo: T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, H nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, Đ nộp lại số tiền 2.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ:

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 7088918 tại ngân hàng bưu điện L chi nhánh T, số tài khoản: 043693480001, tên khách hàng Nguyễn Thanh H, số tiền 10.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 7088915 tại ngân hàng bưu điện L chi nhánh T, số tài khoản: 043691310001, tên khách hàng Nguyễn Khánh H, số tiền 15.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 7088916 tại ngân hàng bưu điện L chi nhánh T, số tài khoản: 043692440001, tên khách hàng Trần Minh T, số tiền 15.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00014125936 tại ngân hàng A chi nhánh G, số tài khoản: 5703601232938, tên khách hàng Tống Văn T, số tiền 10.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 07333295 tại ngân hàng V chi nhánh G, tên chủ thẻ Võ Nguyễn Đ, số tiền 15.000.000 đồng;

01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH998713 tại ngân hàng K chi nhánh T, tên chủ sổ Trần Văn Th, số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[8] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa thì thấy cần phạt bổ sung các bị cáo: N số tiền 30.000.000 đồng; D số tiền 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Hồng N (M) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Nguyễn Văn T (S), Nguyễn Văn P (S), Nguyễn Khánh H, Trần Minh T, Tống Văn T, Võ Nguyễn Đ, Nguyễn Thanh H, Trần Văn T, Phan Thanh L và Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm a, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Dương Hồng N (M) 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo N (M) 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn T (S) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù. Phạt bổ sung bị cáo T (S) 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Trần Văn T 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Khánh H 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Trần Minh T 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Thanh H (T) 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Tống Văn T 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Võ Nguyễn Đ 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Phan Thanh L 20.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn P 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo D 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 05 giỏ xách bàng; 10 cuộn băng keo chưa qua sử dụng; 08 cuộn băng keo đã qua sử dụng; 02 cặp cựa sắt; 01 cân đồng hồ loại 02kg; 01 cân đồng hồ loại 05kg;

Tuyên trả cho các bị cáo: P 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số IMEI 359317069621741, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave alpha, màu trắng, biển số 70E1-203.38, số máy: HC12E-5301955, số khung: RLHHC1216DY301790, đã qua sử dụng; H 01 điện thoại di động Iphone 6, màu xám bạc, số IMEI: 35579207000137, đã qua sử dụng; L 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, loại TA-1174, màu xanh, số IMEI 1: 357761105136507, số

IMEI 2: 357761105636506, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen bạc, biển số 70M2-7289, số máy: 5C64-249131, số khung: C640AY249122, đã qua sử dụng; D 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy 30S, màu đen, số IMEI: 358544/10/579769/5, đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho ông Nguyễn Văn K 01 xe mô tô Wave màu đỏ đen, biển số 70F7-1241, số máy: RPTDS152FMH00105260, số khung: RPHWCHUUM5H105260, đã qua sử dụng, dung tích xi lanh 97cm³.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 83.798.000 đồng.

Buộc các bị cáo: T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, H nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, T nộp lại số tiền 2.000.000 đồng, Đ nộp lại số tiền 2.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ:

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 7088918 tại ngân hàng bưu điện L chi nhánh T, số tài khoản: 043693480001, tên khách hàng Nguyễn Thanh H, số tiền 10.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 7088915 tại ngân hàng bưu điện L chi nhánh T, số tài khoản: 043691310001, tên khách hàng Nguyễn Khánh H, số tiền 15.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 7088916 tại ngân hàng bưu điện L chi nhánh T, số tài khoản: 043692440001, tên khách hàng Trần Minh T, số tiền 15.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AD00014125936 tại ngân hàng A chi nhánh G, số tài khoản: 5703601232938, tên khách hàng Tống Văn T, số tiền 10.000.000 đồng;

01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 07333295 tại ngân hàng V chi nhánh G, tên chủ thẻ Võ Nguyễn Đ, số tiền 15.000.000 đồng;

01 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH998713 tại ngân hàng K chi nhánh T, tên chủ sổ Trần Văn Th, số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo Dương Hồng N (M), Nguyễn Văn T (S), Nguyễn Văn P (S), Nguyễn Khánh H, Trần Minh T, Tống Văn T, Võ Nguyễn Đ, Nguyễn Thanh H, Trần Văn T, Phan Thanh L và Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng ông K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Sở tư pháp tỉnh nơi BC ĐKNKTT;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Công an xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Hữu Tài**